

Số: 1399/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 18 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm
2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH thực
phẩm Vạn Đắc Phúc ngày 15 tháng 5 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
516/TTr-STNMT ngày 17 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc địa chỉ tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến các loại rau quả, nông sản thực phẩm tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy chế biến các loại rau quả, nông sản thực phẩm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800006258 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/9/2019; Giấy chứng nhận đầu tư số 8923164125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14/11/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 17/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 0800006258.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trồng (thử nghiệm) và chế biến các loại rau quả, nông sản thực phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất: 25.555 m², trong đó: Diện tích thực hiện dự án là 24.462,5 m²; diện tích hành lang QL5A là 1.092,5m².

- Công suất thiết kế: Trồng (thử nghiệm) và chế biến các loại rau quả, nông sản thực phẩm quy mô 2.500 tấn/năm.

- Công suất hiện tại: Trồng (thử nghiệm) và chế biến các loại rau quả, nông sản thực phẩm công suất 2.200 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Các giấy phép môi trường thành phần do cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc, gồm: Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường số 242/GXN-STNMT ngày 24/12/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 408/GP-TCTL-PCTTr ngày 26/8/2020 của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1399/GPMT-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (từ hoạt động rửa thiết bị, nước rửa nông sản).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh Tràng Kỹ thuộc xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải tại Kênh Tràng Kỹ thuộc xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý.

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 6°): X (m): 2316120; Y(m): 625250.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $70 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý theo theo ống uPVC $\Phi 110$, chiều dài 90m đặt trong lòng cống thoát nước mưa chảy vào kênh Tràng Kỹ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24/24h.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN40:2011/BTNMT mức A với hệ số $K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6-9	Không thực hiện
2	TSS	mg/l	49,5	
3	Độ màu	Pt/Co	50	

4	COD	mg/l	74,25	
5	BOD ₅	mg/l	29,7	
6	N _{Tổng}	mg/l	19,8	
7	P _{Tổng}	mg/l	3,96	
8	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	4,95	
9	Cl ⁻	mg/l	495	
10	Pb	mg/l	0,099	
11	Cd	mg/l	0,0495	
12	As	mg/l	0,0495	
13	Hg	mg/l	0,00495	
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95	
15	Coliform	MPN/100 ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể phốt theo đường ống PVC Φ90 tổng chiều dài 160m, bố trí 8 hố ga có kích thước 1mx1mx1m để lắng cặn sau đó đầu nối vào hệ thống ống cống bê tông Φ300 cùng nước thải sản xuất đi vào hệ thống xử lý chung.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ các công đoạn sản xuất chứa muối thu gom bằng đường ống PVC D200, dài 50m về bể thu gom sau đó được xử lý qua cụm bể hóa lý để loại bỏ các tạp chất lơ lửng, tách hàm lượng muối Cl⁻ sau đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải chung qua hệ thống ống cống bê tông Φ300 dài 270m và 19 hố ga lắng cặn kích thước 1mx1mx1m.

+ Nước thải sản xuất còn lại không chứa muối được dẫn chung vào hệ thống ống cống bê tông Φ300 chảy về HTXL nước thải chung.

- Nước thải sau xử lý theo ống uPVC Φ110, chiều dài 90m đặt trong lòng cống thoát nước mưa chảy vào kênh Tràng Kỹ tại 1 điểm xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

- Nước thải sinh hoạt: 01 Bể phốt 03 ngăn, kích thước: 5 x 5 x 2m = 50m³.

- Nước thải sản xuất: 02 bể thu nước thải, kích thước: $1,5 \times 2,6 \times 1,7 = 6,63 \text{ m}^3$ và $1,3 \times 1,3 \times 1,7 = 2,87 \text{ m}^3$.

* Công trình xử lý nước thải chung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sản xuất chứa muối $\rightarrow$ Bể thu tách rác $\rightarrow$ Bể điều hòa 1 $\rightarrow$ Bể điều chỉnh pH $\rightarrow$ Bể keo tụ $\rightarrow$ Bể tạo bông $\rightarrow$ Bể lắng hóa lý.

+ Nước thải sản xuất chứa muối sau xử lý qua cụm bể hóa lý; nước thải sản xuất không chứa muối và nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ Bể điều hòa 2 $\rightarrow$ Bể kỵ khí UASB $\rightarrow$ Bể hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng sinh học $\rightarrow$ Bể trung gian $\rightarrow$ Cột lọc áp lực $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống: Tối đa $300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, giai đoạn hiện tại vận hành tối đa: $70 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Thông số kỹ thuật các bể:

+ Cụm bể hóa lý: Bể điều hòa 1: $95,48 \text{ m}^3$; bể điều chỉnh pH: $31,92 \text{ m}^3$; bể keo tụ: $16,91 \text{ m}^3$; bể tạo bông: $16,91 \text{ m}^3$; bể lắng hóa lý: $70,56 \text{ m}^3$.

+ Cụm bể vi sinh: Bể điều hòa 2: 315 m^3 ; bể UASB (02 bể): $82,12 \text{ m}^3/\text{bể}$; bể hiếu khí (03 bể): $66,15 \text{ m}^3/\text{bể}$; bể lắng sinh học: $80,64 \text{ m}^3$; bể trung gian: $73,5 \text{ m}^3$; bể khử trùng: $13,38 \text{ m}^3$; bể chứa bùn dư: 48 m^3 ; bể nén bùn: 48 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen: $4,28 \text{ kg/ngày}$; PAC, polymer: $7,5 \text{ kg/ngày}$; đường vàng (hoặc ri đường): $0,0063 \text{ kg/ngày}$.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra các đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Bố trí nhân viên vận hành hệ thống đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình và ghi nhật ký vận hành hệ thống.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 01 bơm nước thải ($Q=81 \text{ m}^3/\text{h}$; $H_{\text{max}} = 25 \text{ m}$); 01 bơm nước thải ($Q=12,5 \text{ m}^3/\text{h}$; $H_{\text{max}} = 18 \text{ m}$); 01 máy thổi khí (Lưu lượng $3,77 \text{ m}^3/\text{phút}$; công suất $4,0 \text{ kW}$) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn Công ty sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống, nước thải sẽ được lưu giữ tại các bể trong hệ thống xử lý; tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Khi sự cố kéo dài, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm gửi thông báo vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu nước thải tại đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải chung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải đầu vào trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải đầu ra sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2 phần A phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Nước thải xử lý đạt QCVN40:2011/BTNMT mức A, giá trị $C_{\max}$ với hệ số $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ trước khi xả thải vào mương thủy lợi.

3.3. Trong quá trình xả thải vào mương thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước mương, Công ty phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Kiểm tra, rà soát hệ thống thu, thoát nước mặt, nước thải đảm bảo nước thải phát sinh không xả vào hệ thống thoát nước mặt; xác định nguyên nhân chỉ tiêu Cl^- trong nước thải sau xử lý không đạt giá trị cho phép; cải tạo

hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tuân thủ quy định tại mục 3.1 điều này.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.5. Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1399/GPMT-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại 03 nhà xưởng; khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 6° :

+ Nguồn ồn 1 (tại khu vực xưởng 01): X(m): 2315928; Y(m): 625379.

+ Nguồn ồn 2 (tại khu vực xưởng 02): X(m): 2315969; Y(m): 625370.

+ Nguồn ồn 3 (tại khu vực xưởng 03): X(m): 2316016; Y(m): 625394.

+ Nguồn ồn 4 (tại khu vực HTXL nước thải): X(m): 2316056; Y(m): 625387.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1399/GPMT-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	5,6
2	Bình ắc quy hỏng	16 01 12	Rắn	7,9
3	Linh kiện điện tử hỏng	16 01 13	Rắn	11,3
4	Cặn dầu FO	17 06 01	Lỏng	579,5
5	Dầu bôi trơn	17 02 04	Lỏng	34,1
6	Bao bì nhiễm TPNH	18 01 01	Rắn	104,5
7	Giẻ lau dầu	18 02 01	Rắn	90,9
Tổng				833,8

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bã đậu	14 04 03	363.916
	Nông sản thối, hỏng, vỏ, cành cuống lá,...	14 04 03	168.557
2	Bao bì, nhãn mác, giá đỡ hàng hỏng	18 01 05	340
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	960
Tổng			533.773

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 23,4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng chứa loại 150 lít/thùng; bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 100m².

Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nhà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu: trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí pallet gỗ đặt dưới sàn kho chứa, chất thải được thu gom vào các bao chứa và xếp trên pallet.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 249,1m².

Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nhà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sản xuất của nhà máy.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố

môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1399/GPMT-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.